

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HSST
Ngày 04 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Oanh
- Bà Khổng Mỹ Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang tham gia phiên tòa:
Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2019/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phúc Văn S, sinh ngày 01/5/1962 tại huyện Q, tỉnh G; nơi cư trú: Thôn A, xã Y, huyện Q, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Phúc Văn T, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1936; có vợ là Hoàng Thị D, sinh năm 1962 (đã chết) và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/6/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Mua bán trái phép vật liệu nổ" (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 12/6/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1936. Vắng mặt.

+ Chị Phúc Thị T, sinh năm 1982. Có mặt.

+ Chị Phúc Thị T1, sinh năm 1984. Có mặt.

+ Anh Phúc Trọng Đ, sinh năm 1986. Vắng mặt.

+ Anh Phúc Văn Đ1, sinh năm 1990. Vắng mặt.

- + Anh Phúc Trung Đ2, sinh năm 1992. Có mặt.
- + Chị Phúc Thị Thu Đ3, sinh năm 1994. Có mặt.
- + Chị Đỗ Thanh T1, sinh năm 1996. Có mặt.
- + Ông Hoàng Minh Đ4, sinh năm 1948. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/6/2019, Tổ tuần tra Cảnh sát giao thông Công an huyện Bắc Quang tiến hành tuần tra kiểm soát tuyến đường tỉnh lộ 183 thuộc địa phận xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Qua kiểm tra hành chính đối với Vương Văn Tr, sinh năm 1991, trú tại thôn M, xã V, huyện Q, tỉnh G, thì phát hiện trong ba lô của Tr có 03 (ba) quả pháo cù và 01 (một) hộp pháo hoa loại 36 ống. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Tr. Quá trình điều tra Tr khai nhận trước đó đã bán cho Phúc Văn S, sinh năm 1962, trú tại thôn A, xã Y, huyện Q, tỉnh G, 02 (hai) hộp pháo hoa và 10 (mười) quả pháo cù với giá 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Sau đó Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành khám xét nhà của Phúc Văn S đã phát hiện, thu giữ 01 (một) khẩu súng (trên thân súng có số 1702704), (nghỉ là súng quân dụng CKC); 33 (ba mươi ba) viên đạn (nghỉ là đạn quân dụng); 08 (tám) vật kim loại (nghỉ là bộ phận của súng quân dụng) và 02 (hai) hộp pháo loại 36 ống; 10 (mười) quả pháo cù có hình dạng bóng đèn điện. Cơ quan Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành niêm phong và thu giữ toàn bộ số vật chứng trên.

Ngày 12/6/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành cân tịnh 03 hộp hình vuông vỏ bọc giấy, có kích thước 15x15x15 và 13 quả có hình bóng đèn điện, vỏ màu nâu có tổng trọng lượng là 4,76933kg. Sau khi cân tịnh xong, Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang cho các mẫu vật vào 02 hộp bìa carton niêm phong lại. Ký hiệu là M1, M2.

Ngày 13/6/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ra Quyết định trưng cầu giám định số 118, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định pháo.

Tại bản Kết luận giám định số 235/KL-PC09, ngày 21/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: *“Các mẫu vật gửi giám định đựng trong 02 (hai) hộp bìa carton ký hiệu lần lượt M1, M2 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ)”*.

Ngày 14/6/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ra Quyết định trưng cầu giám định số 119, trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, giám định súng, đạn.

Tại bản Kết luận giám định số 3346/C09-P3 ngày 16/6/2019 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận:

“- *Khẩu súng gửi giám định là súng trường CKC do Liên Xô (cũ) sản xuất, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện tại khẩu súng còn sử dụng để bắn được.*

- *33 viên đạn gửi giám định gồm: 15 viên đạn dài 55,5mm là đạn cơ 7,62x39mm, 14 viên đạn dài 25mm là đạn cỡ 9x18mm, 02 viên đạn dài 29mm là đạn cỡ 9x19mm, 02 viên đại dài 35mm là đạn cỡ 7,62x25mm. 33 viên đạn ngày thuộc đạn quân dụng.*

- *08 mẫu kim loại có các kích thước, hình dạng khác nhau dài từ 4,4cm đến 17,5cm là các bộ phận của súng, không phải vũ khí quân dụng”.*

Về nguồn gốc khẩu súng, đạn và các bộ phận súng: S khai nhận vào khoảng năm 1980, ông Phúc Văn T3 sinh năm 1938, trú tại thôn A, xã Y, huyện Q, tỉnh G (bố đẻ của S) mua 01 khẩu súng CKC của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ, trú tại xã X, huyện Y, tỉnh B để săn bắn. Năm 2004, ông T3 chết và để lại cho S 01 khẩu súng CKC, 33 viên đạn và 08 vật kim loại là bộ phận của súng, dặn S để lại khẩu súng trong nhà nhằm phòng ma quỷ đến nhà và không được bán cho ai, vì nhờ người mua sử dụng gây hại thì S cũng bị ảnh hưởng. Phúc Văn S nhận thức được việc tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật, đã có dự định giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền nhưng S nghe lời bố dặn nên đã cất giấu trái phép khẩu súng CKC, đạn cùng các bộ phận của súng quân dụng trong nhà của mình, mà không giao nộp theo quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1936 (*mẹ đẻ của S*) khai nhận khi ông Phúc Văn T3 còn sống, bà H biết ông T3 có 01 khẩu súng, bắn đạn quân dụng, thường xuyên sử dụng đi săn trên rừng.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 20/CT-VKS-P1 ngày 17/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố Phúc Văn S về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Phúc Văn S về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Về điều luật và hình phạt: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 304, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phúc Văn S từ 15 đến 18 tháng tù, thời gian bị tạm giữ

được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt cấm cư trú và quản chế đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật hình sự Điều 8 Nghị định số 26/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí. Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận, bị cáo nhất trí với điều luật, tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng nhưng trước đó những người làm chứng đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Nhận thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh xác định hiện trường, kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và tài liệu khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phúc Văn S phạm tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*" theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố là có hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 điều 304 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm”

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự an toàn xã hội, xâm phạm các quy định độc quyền của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh, có mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, giáo dục để trở thành một người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép hàng cấm (pháo) của Phúc Văn S và Vương Văn Tr: Theo quy định tại Điều 190, 191 của Bộ luật Hình sự, đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán pháo nổ phải đủ trọng lượng từ 06 kilôgam trở lên mới xử lý trách nhiệm hình sự mà tổng trọng lượng pháo Phúc Văn S và Vương Văn Tr tàng trữ, vận chuyển, buôn bán là 4,76933 kilôgam nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự. Ngày 13/9/2019, Công an huyện Bắc Quang đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Phúc Văn S và Vương Văn Tr về hành vi tàng trữ pháo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Hoàng Minh Đ, bị cáo Phúc Văn S khai: Ông Đua là người cúng đám ma cho ông T3 (bố bị cáo) thì S có hỏi ý kiến ông Đua có chôn khẩu súng cùng ông T3 vào năm 2004. Tuy nhiên ông Đ không thừa nhận việc này và hoàn toàn không biết về khẩu súng mà chỉ cúng xong rồi về và thời gian xảy ra sự việc đã được 15 năm do đó không có căn cứ xem xét trách nhiệm của ông Đ nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với ông Phúc Văn T3, bị cáo Phúc Văn S khai: Khẩu súng CKC do bố là Phúc Văn T3 để lại. Do ông Phúc Văn T3 đã chết, nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự của ông Phúc Văn T3 theo quy định tại khoản 7 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với bà Hoàng Thị H khai: Khi ông Phúc Văn T3 còn sống, bà H biết ông T3 có 01 khẩu súng, bắn đạn quân dụng. Do bà H là vợ của ông T3 và sự việc xảy ra trước năm 2004, đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà H theo quy định tại khoản 5 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ và bố bị cáo đã chết, các con bị cáo có cuộc sống riêng, một mình bị cáo phải nuôi mẹ già sinh năm 1936. Ngoài ra, anh trai ruột của bị cáo là ông Phúc Văn C là người có công với cách mạng (Huân chương kháng chiến hạng nhì) đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, không áp dụng hình phạt cấm cư trú và quản chế đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng là khẩu súng, đạn và các bộ phận súng Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã niêm phong gửi tại kho vật chứng thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng trực tiếp liên quan đến tội phạm, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành. Do đó, căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 8 Nghị định số 26/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Do vậy cần giao cho cơ quan Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với vật chứng là số pháo đã thu giữ có trọng lượng là 4,76933kg đã sử dụng hết trong quá trình giám định, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 304, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật tố Tụng hình sự; Điều 8 Nghị định số 26/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Phúc Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phúc Văn S 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 12/6/2019).

3. Xử lý vật chứng:

Giao cơ quan Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang để xử lý theo thẩm quyền đối với:

- 01 khẩu súng quân dụng CKC, báng bằng gỗ, trên thân súng có số 1702704.

- 14 viên đạn quân dụng dài 55,5 mm cỡ 7,62x39mm;

- 14 viên đạn quân dụng dài 25mm cỡ 9x18mm;
- 02 viên đạn quân dụng dài 29mm cỡ 9x19mm;
- 02 viên đạn quân dụng dài 35mm cỡ 7,62x25mm;
- 08 vật kim loại là bộ phận của súng quân dụng có kích thước từ 4,4cm đến 17,5cm.

(Tình trạng và đặc điểm của vật chứng như Phiếu nhập kho vật chứng ngày 09/8/2019 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang).

4. Về án phí: Bị cáo Phúc Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Bộ chỉ huy QS tỉnh;
- CQ An ninh điều tra tỉnh;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Y;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh